TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN
TẠP CHÍ KHOA HỌC
ĐẠI HỌC SÀI GÒN
ISSN 1859 - 3208
Số 86, Tập 1, 2023

SAIGON UNIVERSITY
SCIENTIFIC JOURNAL
OF SAIGON UNIVERSITY
No. 86, Vol. 1, 2023

Email: tcdhsg@sgu.edu.vn ; Website: http://sj.sgu.edu.vn/

NHỮNG YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN NHU CẦU THAM GIA PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI CỦA NGƯỜI DÂN ĐỊA PHƯƠNG Ở CÁC XÃ VEN BIỂN CỦA HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

Factors affecting the need of ecotourism development participation of local people in coastal commmunes of An Bien district, Kien Giang province

Nguyễn Trọng Nhân[(1)(*)], Huỳnh Văn Đà[(1)]

[(1)]Trường Đại học Cần Thơ

TÓM TẮT

Mục đích chính của nghiên cứu này là phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu tham gia phát triển du lịch sinh thái của người dân địa phương ở các xã ven biển của huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Mẫu nghiên cứu gồm 120 chủ hộ, được phỏng vấn bằng bảng hỏi. Kết quả nghiên cứu cho thấy, trình độ học vấn/chuyên môn, loại nhà ở, sự nghe/biết về du lịch sinh thái, kỹ năng phục vụ/kinh doanh du lịch sinh thái của người dân ảnh hưởng đến nhu cầu tham gia phát triển du lịch sinh thái của họ. Nâng cao trình độ học vấn/chuyên môn, cải thiện kinh tế hộ gia đình, đẩy mạnh thông tin và truyền thông về du lịch sinh thái, phát triển các kỹ năng phục vụ/kinh doanh du lịch cho người dân địa phương là các chiến lược thu hút họ tham gia phát triển du lịch sinh thái ở các xã ven biển của huyện An Biên trong tương lai.

Từ khóa: *du lịch sinh thái, huyện An Biên, người dân địa phương, tỉnh Kiên Giang*

ABSTRACT

The main purpose of this study is to analyze the factors affecting the need to participate in ecotourism development of local people in 4 coastal communes of An Bien district, Kien Giang province. The research sample consists of 120 heads of households, interviewed by questionnaire. Research results show that people's educational/professional level, type of housing, hearing/knowing of ecotourism, skills of ecotourism serving/business affect the need to participate their development of ecotourism. Upgrading educational/professional level, improving household economy, promoting information and communication on ecotourism, developing skills of tourism serving/business for local people are the strategies to attract them to participate in ecotourism development in the coastal communes of An Bien district in the future.

Keywords: *ecotourism, An Bien district, local people, Kien Giang province*

1. Giới thiệu

Theo dự báo, nhu cầu du lịch sẽ gia tăng mạnh mẽ trong thế kỉ XXI (Leslie, 2012) và du lịch sinh thái đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo sự tăng trưởng tương lai của ngành công nghiệp du lịch (Wearing & Neil, 2009). "Du lịch sinh thái là loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên,

[(*)]Tác giả liên hệ: trongnhan@ctu.edu.vn

gắn với bản sắc văn hóa địa phương, có sự tham gia của cộng đồng dân cư, kết hợp giáo dục về bảo vệ môi trường" (Luật Du lịch, 2018, tr. 10). Đối với vùng nông thôn, du lịch sinh thái có thể tận dụng và phát huy những tài sản sinh thái và văn hóa có sẵn, đồng thời, góp phần phát triển kinh tế - xã hội (Spenceley & Manning, 2013). Bên cạnh đó, du lịch sinh thái còn là công cụ giảm nghèo hiệu quả cho cộng đồng địa phương ở nhiều vùng nông thôn (Abraham, 2015).

An Biên là một trong 15 đơn vị hành chính cấp huyện và tọa lạc ở phía Tây Nam của tỉnh Kiên Giang. Năm 2019, huyện có diện tích 400,29 km^2, dân số 115.238 người, gồm 9 đơn vị hành chính cấp xã (Chi cục Thống kê huyện An Biên, 2020). Nuôi trồng và đánh bắt thủy sản, kinh doanh thương mại, sản xuất nông nghiệp, kinh doanh dịch vụ, sản xuất công nghiệp, kinh doanh vận tải và khai thác lâm sản là các hoạt động kinh tế chủ đạo ở huyện. Theo đánh giá của Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện An Biên lần thứ XII (2020), kinh tế của huyện tăng trưởng khá, kết cấu hạ tầng được quan tâm đầu tư, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện,… Tuy nhiên, kinh tế phát triển nhưng chưa vững chắc, chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng nhưng còn chậm, đời sống một bộ phận nhân dân còn khó khăn, công tác giảm nghèo từng lúc, từng nơi thiếu bền vững (Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện An Biên lần thứ XII, 2020),… Một trong các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu để thúc đẩy phát triển kinh tế huyện nhanh, bền vững, đúng hướng và có chiều sâu được Đại hội (nhiệm kỳ 2020-2025) nhất trí là đẩy mạnh đầu tư khai thác du lịch sinh thái ở các xã ven biển trên cơ sở mặt nước bãi bồi và rừng ngập mặn ven biển (Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện An Biên lần thứ XII, 2020).

Các xã ven biển của huyện An Biên (Tây Yên, Nam Yên, Nam Thái và Nam Thái A) có diện tích 194,05 km^2 và dân số 49.314 người (chiếm 48,5% diện tích và 42,8% dân số của huyện) năm 2019 (Chi cục Thống kê huyện An Biên, 2020). Trong các đơn vị hành chính cấp xã của huyện, các xã ven biển có nhiều thế mạnh nhất để phát triển du lịch sinh thái (giáp biển, có rừng phòng hộ, bãi bồi ven biển và hoạt động nuôi trồng thủy sản của người dân) nhưng cũng có tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo cao nhất (501 hộ nghèo và 1.816 hộ cận nghèo, chiếm 43,1% và 46,6% số hộ nghèo và cận nghèo của huyện, tương ứng) (Chi cục Thống kê huyện An Biên, 2020).

Phát triển du lịch sinh thái cung cấp những sáng kiến và cơ hội cho việc phát triển nông thôn (Neth, 2008) và giảm nghèo cho người dân địa phương (Abraham, 2015). Tuy nhiên, để phát triển thành công các dự án du lịch sinh thái, một phần quan trọng phụ thuộc và mức độ tham gia làm du lịch của người dân địa phương (Bagul, 2009). Để phát triển du lịch sinh thái nói chung và góp phần tạo việc làm, mang lại thu nhập, cải thiện chất lượng cuộc sống, giảm thiểu tình trạng nghèo và cận nghèo của người dân, việc tham gia phát triển du lịch sinh thái của người dân địa phương là một trong những chiến lược hữu hiệu. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu tham gia làm du lịch sinh thái của người dân địa phương ở các xã ven biển của huyện An Biên. Kết quả nghiên cứu có thể cung cấp tri thức khoa học trong lĩnh vực du lịch sinh thái và giúp chính quyền địa phương, nhà quản lý du lịch ở địa bàn

nghiên cứu thực thi những chính sách nhằm nâng cao khả năng tham gia phát triển du lịch sinh thái của người dân.

2. Phương pháp luận nghiên cứu

2.1. Lý thuyết về sự tham gia phát triển du lịch sinh thái của người dân địa phương

Du lịch sinh thái, tiếng Anh ecotourism, hàm ý sinh thái là nền tảng để phát triển du lịch, đến lượt mình, phát triển du lịch phải bảo vệ sinh thái. Tuy nhiên, nội hàm của du lịch sinh thái không chỉ đơn giản như vậy. Ra đời vào thập niên 80 của thế kỉ XX, đến nay, có rất nhiều khái niệm về du lịch sinh thái và rất khó để đưa ra một định nghĩa được thừa nhận bởi tất cả mọi người. Định nghĩa du lịch sinh thái có hàm chứa nội dung sự tham gia/sự hưởng lợi của người dân/cộng đồng địa phương được thể hiện như sau:

Du lịch sinh thái là du lịch đến các khu vực còn tương đối hoang sơ với mục đích tìm hiểu về lịch sử môi trường tự nhiên và văn hóa mà không làm thay đổi sự toàn vẹn của các hệ sinh thái. Đồng thời tạo những cơ hội về kinh tế để ủng hộ việc bảo tồn tự nhiên và mang lại lợi ích về tài chính cho người dân địa phương (Phạm Trung Lương và ctv., 2002, tr. 9).

Du lịch sinh thái là du lịch có trách nhiệm đến các khu tự nhiên, bảo tồn môi trường và cải thiện phúc lợi cho người dân địa phương (Blamey, 2001, p. 6).

Du lịch sinh thái là du lịch thiên nhiên tác động thấp, nó góp phần bảo vệ sinh vật hoang dã thông qua đóng góp trực tiếp đối với bảo tồn và cung cấp thu nhập cho cộng đồng địa phương (Fennel, 2015, p. 13).

Ba định nghĩa trên cho thấy, du lịch sinh thái: (i) là hoạt động/mô hình du lịch, (ii) diễn ra trong khung cảnh thiên nhiên, (iii) bảo vệ/bảo tồn thiên nhiên/sinh vật/hệ sinh thái/môi trường, (iv) mang lại lợi ích tài chính/cải thiện phúc lợi/cung cấp thu nhập cho người dân/cộng đồng địa phương. Qua đó cho thấy, người dân/cộng đồng địa phương là một bộ phận không thể thiếu trong du lịch sinh thái.

Ít nhất có 4 yếu tố trọng tâm phân biệt giữa du lịch sinh thái với các loại hình du lịch khác là dựa vào tự nhiên và văn hóa bản địa, phát triển bền vững (sự tham gia và hưởng lợi của người dân địa phương, bảo tồn), sự giáo dục, sự đòi hỏi về đạo đức. Để phát triển du lịch sinh thái bền vững ở điểm đến, một trong những nguyên tắc căn bản là thu hút sự tham gia của người dân địa phương vào quá trình phát triển du lịch và mang lại lợi ích cho họ.

Sự tham gia của người dân địa phương trong phát triển du lịch sinh thái là một thuật ngữ phân loại thể hiện sự tham gia của con người với nhiều hình thức (trực tiếp, gián tiếp, chủ động, thụ động) ở các cấp độ khác nhau (địa phương, vùng, quốc gia) trong quá trình phát triển du lịch sinh thái (Tosun, 1999). Đối với nghiên cứu này, sự tham gia của người dân địa phương trong phát triển du lịch sinh thái là người dân tại các điểm đến khác nhau với mức độ phát triển khác nhau tham gia vào việc xác định loại hình/quy mô phát triển du lịch và cơ chế chia sẻ lợi ích, đồng thời đóng góp ý kiến, cung cấp dịch vụ và quản lý, vận hành hoạt động du lịch tại địa phương của họ.

Có nhiều loại hình tham gia của người dân địa phương trong phát triển du lịch sinh thái từ thụ động đến chủ động như tham gia thụ động, tham gia cung cấp thông tin, tham gia tư vấn, tham gia vì khen thưởng vật chất, tham gia chức năng, tham gia tương tác, tự vận động (Aref, 2011).

Trong du lịch sinh thái, cần thu hút sự tham gia của người dân địa phương trong các vai trò khác nhau bởi họ: (i) là chủ nhân của những yếu tố hấp dẫn ở điểm đến và là đối tượng đáp ứng các nhu cầu đa dạng của du khách; (ii) có thể bị tiêu hao nhiều nguồn lực và phải đối mặt với những tác động tiêu cực từ quá trình phát triển du lịch; (iii) là nguồn cảm hứng để du khách lựa chọn điểm đến bởi được gặp, tiếp xúc và phục vụ bởi người dân địa phương là động cơ du lịch của nhiều du khách.

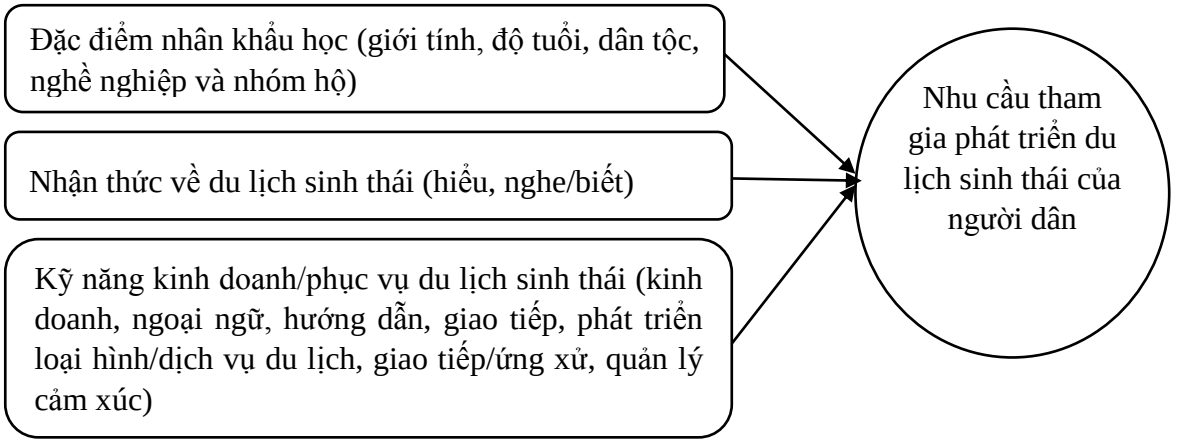
Sự tham gia của người dân địa phương là một trong những phương pháp thực hành tốt nhất để khai thác những lợi ích tích cực từ du lịch sinh thái, cải thiện kinh tế - xã hội của người dân và bảo tồn đa dạng sinh học. Ngoài ra, sự hỗ trợ của người dân địa phương là nhân tố quan trọng nhất đối với sự thành công của dự án du lịch sinh thái, nhờ đó, du lịch sinh thái cung cấp sinh kế, thu nhập và sự phát triển bền vững cho vùng nông thôn (Abraham, 2015).

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Đến nay, có một số nghiên cứu về sự tham gia của cộng đồng/người dân địa phương trong du lịch sinh thái/phát triển du lịch sinh thái như "Sự tham gia của cộng đồng trong phát triển du lịch sinh thái ở Thái Lan" (Anucha, 2004), "Sự tham gia của cộng đồng địa phương trong du lịch sinh thái và bảo tồn tại hai khu bảo tồn thiên nhiên ở Nicaragua" (Somarriba-Chang & Gunnarsdotter, 2012), "Sự tham gia của cộng đồng trong du lịch sinh thái: Bằng chứng từ Tafi Atome, Ghana" (Afua, 2012), "Sự tham gia của cộng đồng trong du lịch sinh thái: Trường hợp khu bảo tồn rừng Bobiri và khu bảo tồn bướm ở vùng Ashanti của Ghana" (Mensah & Ernest, 2013), "Đánh giá sự tham gia của người dân trong phát triển du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng tại vườn quốc gia Bidoup - Núi Bà" (Ngô Thị Liên, 2018), "Sự tham gia của cộng đồng địa phương trong phát triển du lịch sinh thái: Trường hợp điểm đến Sumberwangi Hamlet, Đông Java, Indonesia" (Giriwati et al., 2019), "Sự tham gia của cộng đồng trong du lịch sinh thái và ảnh hưởng của nó đối với nhận thức của người dân địa phương về bảo tồn báo tuyết" (Vannelli et al., 2019), "Sự tham gia của người dân địa phương trong phát triển du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng tại rừng dừa Bảy Mẫu Cẩm Thanh - Hội An" (Nguyễn Bùi Anh Thư và ctv., 2019), "Sự tham gia của cộng đồng địa phương trong du lịch sinh thái ở vườn quốc gia ở Pahang, Malaysia" (Hui et al., 2020).

Nghiên cứu này có những điểm khác biệt/không trùng lặp với các nghiên cứu trên như sau: (i) đối tượng được phỏng vấn hiện tại chưa tham gia vào quá trình phát triển du lịch sinh thái, (ii) nội dung nghiên cứu được giả định ở tương lai (nhu cầu), (iii) người có nhu cầu tham gia và không tham gia phát triển du lịch sinh thái bị tác động bởi những yếu tố nào?

Mục đích chính của nghiên cứu này là khám phá các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu tham gia phát triển du lịch sinh thái của người dân địa phương ở các xã ven biển của huyện An Biên. Để có được dữ liệu, phương pháp điều tra bằng bảng hỏi được sử dụng. Cấu trúc bảng hỏi gồm 2 phần, phần 1 về thông tin cá nhân của đáp viên, phần 2 về nhận thức du lịch sinh thái, kỹ năng phát triển du lịch sinh thái của người dân địa phương. Khung phân tích được xây dựng dựa vào kinh nghiệm của nhóm nghiên cứu (chưa tìm được nghiên cứu nào có liên quan).



Hình 1. Khung phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu tham gia phát triển du lịch sinh thái của người dân địa phương

Mẫu nghiên cứu gồm 120 đáp viên (mỗi xã 30 người) được lựa chọn bằng kỹ thuật thuận tiện (chỉ phỏng vấn những người đồng ý trả lời). Hoyle (1995, được trích dẫn bởi Sirakaya-Turk, Uysal, Hammitt, &Vaske, 2011) đề nghị cỡ mẫu tối thiểu cho một nghiên cứu là 100. Mẫu nghiên cứu 120 phần tử đáp ứng được yêu cầu trên. Thời gian phỏng vấn trong tháng 12 năm 2021. Dữ liệu phỏng vấn được mã hóa, nhập và phân tích trên phần mềm SPSS 20. Các kỹ thuật phân tích dữ liệu gồm thống kê mô tả, phân tích bảng chéo, kiểm định Chi-bình phương và kiểm định trị trung bình mẫu độc lập. Mẫu nghiên cứu có đặc điểm như sau:

Bảng 1. Thông tin khái quát về mẫu nghiên cứu

Biến	Diễn giải	Phần trăm	Biến	Diễn giải	Phần trăm
Giới tính	Nam	61,7	Nghề nghiệp	Nông dân	70
	Nữ	38,3		Kinh doanh	10
Độ tuổi	24-34	33,3		Nội trợ	8,3
	35-45	23,3		Khác	11,7
	46-56	26,7	Thuộc hộ	Trung bình	71,7
	57-67	16,7		Nghèo	13,3
Dân tộc	Kinh	96,7		Khá	8,3
	Khmer	3,3		Khác	6,7

Nguồn: Kết quả điều tra của nhóm nghiên cứu, 2021

Đối với số liệu thống kê dạng giá trị trung bình, mức 1 (rất kém) có giá trị từ 1-1,5; mức 2 (kém) có giá trị từ 1,51-2,5; mức 3 (trung bình) có giá trị từ 2,51-3,5; mức 4 (tốt) có giá trị từ 3,51-4,5, mức 5 (rất tốt) có giá trị từ 4,51-5 (Bùi Thị Mùi, 2014).

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Nhu cầu tham gia phát triển du lịch sinh thái của người dân địa phương

Nhu cầu là những đòi hỏi, mong muốn, nguyện vọng của con người về một hay một số điều gì đó cần được thỏa mãn nhằm mục đích hướng tới sự tồn tại và phát triển. Theo đó, nhu cầu tham gia phát triển du lịch sinh thái của người dân là việc họ có mong muốn tham gia làm du lịch sinh thái hay không, những hoạt động nào họ có thể tham gia và nguyện vọng của họ khi tham gia làm du lịch sinh thái nhằm hướng tới sự phát triển du lịch sinh thái và sinh kế của địa phương.

Với câu hỏi, tương lai, anh/chị có mong muốn tham gia làm du lịch sinh thái không? Kết quả nhận được 66,7% trả lời có và 33,3% trả lời không. Như vậy, trung bình có khoảng 2/3 người dân ở các xã ven biển của huyện An Biên có dự định tham gia làm du lịch sinh thái và đây là dấu hiệu tích cực cho địa phương trong việc thu hút sự tham gia của người dân vào các dự án phát triển du lịch sinh thái trong tương lai. Nhiều người dân địa phương có nhu cầu tham gia làm du lịch sinh thái vì họ hy vọng cơ hội việc làm, thu nhập sẽ mở ra và đời sống của họ được cải thiện (‘có công ăn việc làm’, ‘có việc làm và thu nhập’, ‘đời sống được cải thiện’). Những người không có nhu cầu tham gia làm du lịch sinh thái vì ‘đã có việc làm’, ‘không có thời gian rỗi’, ‘bệnh tật’, ‘chưa biết cách làm du lịch’, ‘không có khả năng’, ‘tuổi cao’, ‘không thích làm du lịch’.

Bảng 2. Phân bố nhu cầu việc làm/kinh doanh trong du lịch sinh thái theo xã

Xã	Làm thuê trong du lịch	Hướng dẫn tham quan	Cung cấp phương tiện vận chuyển	Cung cấp nơi ăn uống	Cung cấp nơi lưu trú	Bán hàng lưu niệm	Cung cấp nơi tham quan	Biểu diễn đờn ca tài tử
Tây Yên	x	x	x	x	x	x		
Nam Yên	x	x	x	x	x	x	x	x
Nam Thái	x	x	x	x	x		x	x
Nam Thái A	x	x	x	x	x	x		x

Nguồn: Kết quả điều tra của nhóm nghiên cứu, 2021

Với câu hỏi, anh/chị có thể tham gia những hoạt động nào trong du lịch sinh thái ở địa phương? 32 người (26,7%) trả lời làm thuê trong du lịch, 28 người (23,3%) chọn hướng dẫn du khách tham quan; số người sẽ cung cấp phương tiện vận chuyển du khách, cung cấp nơi ăn uống cho du khách, cung cấp nơi lưu trú cho du khách là 22 người, 20 người, 16 người, chiếm 18,3%, 16,7%, 13,3%, tương ứng; ít người chọn sẽ bán hàng lưu niệm cho du khách (10 người, 8,3%), cung cấp

nơi tham quan cho du khách (8 người, 6,7%), biểu diễn đờn ca tài tử (6 người, 5%). Nhu cầu việc làm/kinh doanh trong du lịch sinh thái ở các xã ven biển huyện An Biên được thể hiện ở Bảng 2.

Để nắm bắt nguyện vọng của người dân khi tham gia phát triển du lịch sinh thái ở địa phương, một câu hỏi được đặt ra là anh/chị mong muốn được hỗ trợ những gì? 52 người (43,3%) cần được tham quan, học tập cách làm du lịch ở những địa phương khác, 34 người (28,3%) cần được bồi dưỡng kiến thức về du lịch sinh thái, 32 người (26,7%) cần được bồi dưỡng kỹ năng phục vụ/kinh doanh du lịch sinh thái, 26 người (21,7%) cần được vay vốn với lãi suất ưu đãi; chỉ 20 người (16,7%) cần được hỗ trợ về thủ tục kinh doanh du lịch sinh thái. Mong muốn nhận được sự hỗ trợ để phát triển du lịch sinh thái của người dân ở các xã ven biển huyện An Biên được thể hiện ở Bảng 3.

Bảng 3. Người dân mong muốn nhận được sự hỗ trợ (theo xã)

Xã	Tham quan, học tập kinh nghiệm	Bồi dưỡng kiến thức về du lịch	Bồi dưỡng kỹ năng về du lịch	Vay vốn ưu đãi	Thủ tục kinh doanh du lịch
Tây Yên	x	x	x	x	x
Nam Yên	x	x	x	x	x
Nam Thái	x	x	x	x	x
Nam Thái A	x	x	x	x	x

Nguồn: Kết quả điều tra của nhóm nghiên cứu, 2021

3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu tham gia phát triển du lịch sinh thái của người dân địa phương

Đến nay, chưa thấy công trình nào nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu tham gia phát triển du lịch sinh thái của người dân địa phương ở Việt Nam và trên thế giới. Vì lẽ đó, nghiên cứu này phân tích sự tương quan giữa nhu cầu tham gia làm du lịch sinh thái với đặc điểm nhân khẩu học, nhận thức và kỹ năng về du lịch sinh thái của người dân địa phương để tìm ra mối quan hệ nhân quả.

3.2.1. Mối quan hệ giữa nhu cầu tham gia phát triển du lịch sinh thái với đặc điểm nhân khẩu học của người dân địa phương

Kết quả phân tích cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa người có nhu cầu và không có nhu cầu tham gia phát triển du lịch sinh thái theo giới tính, độ tuổi, dân tộc, nghề nghiệp và nhóm hộ của họ ở địa bàn nghiên cứu, điều này có nghĩa, người có nhu cầu và không có nhu cầu tham gia phát triển du lịch sinh thái không phụ thuộc vào nam/nữ, độ tuổi 23-34/35-45/46-56/57-67, dân tộc Kinh/ Khmer, nghề nông/nghề khác nông dân, hộ nghèo, cận nghèo/trung bình/khá, giàu. Tuy nhiên, có mối quan hệ có ý nghĩa thống kê về người có nhu cầu và không có nhu cầu tham gia phát triển du lịch sinh thái theo trình độ học vấn/chuyên môn và loại nhà ở của họ ở độ tin cậy 99% và 95%, lần lượt (Bảng 4). Đối với trình độ học vấn/chuyên môn, chủ hộ có trình độ trung học cơ sở và trên trung học cơ sở có nhu

cầu tham gia phát triển du lịch sinh thái nhiều hơn chủ hộ có trình độ tương tự, 30% và 13% so với 6,7% và 1,7%, lần lượt. Ngược lại, chủ hộ không có nhu cầu tham gia phát triển du lịch sinh thái phần lớn có trình độ dưới trung học cơ sở, 25% không có nhu cầu tham gia so với 23,3% có nhu cầu tham gia phát triển du lịch sinh thái của chủ hộ có cùng trình độ học vấn/chuyên môn. Về nhà ở, chủ hộ sở hữu nhà bán kiên cố và kiên cố có nhu cầu tham gia phát triển du lịch sinh thái cao hơn chủ hộ có cùng loại nhà nhưng không có nhu cầu tham gia phát triển du lịch sinh thái, 31,7% và 31,7% so với 16,7% và 8,3%, tương ứng. Trái lại, chủ hộ sở hữu nhà tạm không có nhu cầu tham gia phát triển du lịch sinh thái nhiều hơn chủ hộ có cùng loại nhà có nhu cầu tham gia phát triển du lịch sinh thái, 8,3% so với 3,3%, lần lượt.

Trình độ học vấn/chuyên môn của chủ hộ đóng vai trò quan trọng trong việc tham gia phát triển du lịch sinh thái của người dân. Du lịch sinh thái là một bộ phận của ngành dịch vụ nên cần đội ngũ nhân lực có trình độ. Trình độ học vấn/chuyên môn không chỉ ảnh hưởng đến sự tự tin, sự nhạy bén mà còn tạo nên năng lực phục vụ/kinh doanh du lịch sinh thái của người dân. Có thể nói, hiệu quả phục vụ/kinh doanh du lịch sinh thái phần lớn phụ thuộc vào trình độ của đội ngũ nhân lực. Gichohi (2003, được trích dẫn bởi Makindi, 2016) cho rằng trình độ học vấn của người dân địa phương là rào cản hoặc động lực đối với họ trong việc tận dụng những cơ hội do du lịch sinh thái mang lại. Để phục vụ nhu cầu ăn uống, lưu trú và bán hàng cho du khách, những hộ có nhà cửa tươm tất (bán kiên cố, kiên cố) sẽ có nhiều thuận lợi trong việc tổ chức kinh doanh các dịch vụ nói trên.

Bảng 4. Mối quan hệ giữa nhu cầu tham gia phát triển du lịch sinh thái với đặc điểm nhân khẩu của người dân

Biến	P-value	Biến	P-value
Giới tính	ns	Trình độ học vấn/chuyên môn	**
Độ tuổi	ns	Nhóm hộ	ns
Dân tộc	ns	Loại nhà ở	*
Nghề nghiệp	ns		

*Ghi chú: ns: không có sự khác biệt có ý nghĩa, *: khác biệt ở độ tin cậy 95%, **: khác biệt ở độ tin cậy 99%*

Nguồn: Kết quả điều tra của nhóm nghiên cứu, 2021

3.2.2. Mối quan hệ giữa nhu cầu tham gia phát triển du lịch sinh thái với nhận thức về du lịch sinh thái của người dân địa phương

Kết quả phân tích không cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về người có nhu cầu và không có nhu cầu tham gia phát triển du lịch sinh thái với sự hiểu đúng/sai về du lịch sinh thái của họ. Điều này có nghĩa, người chọn đúng định nghĩa

về du lịch sinh thái và người chọn nhầm du lịch sinh thái với du lịch văn hóa, du lịch nông thôn, du lịch cộng đồng không có sự khác nhau về nhu cầu tham gia phát triển du lịch sinh thái. Trong khi đó, dữ liệu lại cho thấy, ở độ tin cậy 99%, nhu cầu tham gia làm du lịch của người dân có quan hệ với sự nghe/biết của họ về du lịch sinh thái (Bảng 5). Những người có nghe/biết về du lịch sinh thái có nhu cầu tham gia phát triển du lịch sinh thái chiếm 43,3% so với 8,3% không có nhu cầu; ngược lại, 25% người chưa nghe/biết về du lịch sinh thái không có nhu cầu tham gia phát triển du lịch sinh thái so với 23,3% người chưa nghe/biết về du lịch sinh thái có nhu cầu tham gia phát triển du lịch sinh thái. Theo sự cho biết của người dân, họ nghe/biết đến du lịch sinh thái qua bạn bè, chính quyền địa phương, cơ quan/công ty, đài phát thanh/truyền hình, internet, đi du lịch, trường học,… Nghe/biết về du lịch sinh thái tạo động lực cho sự tham gia phát triển du lịch sinh thái của người dân bởi những lợi ích du lịch sinh thái mang lại được hiểu và đón nhận tích cực.

Bảng 5. Mối quan hệ giữa nhu cầu tham gia phát triển du lịch sinh thái với nhận thức về du lịch sinh thái của người dân

Biến	P-value
Nghe/biết về du lịch sinh thái	**
Hiểu đúng/sai về du lịch sinh thái	ns

*Ghi chú: ns: không có sự khác biệt có ý nghĩa, **: khác biệt ở độ tin cậy 99%*

Nguồn: Kết quả điều tra của nhóm nghiên cứu, 2021

3.2.3. Mối quan hệ giữa nhu cầu tham gia phát triển du lịch sinh thái với kỹ năng phục vụ/kinh doanh du lịch sinh thái của người dân địa phương

Tồn tại mối quan hệ có ý nghĩa thống kê về nhu cầu tham gia phát triển du lịch sinh thái của người dân với kỹ năng kinh doanh du lịch sinh thái, sử dụng ngoại ngữ, hướng dẫn du khách tham quan, giao tiếp và ứng xử với du khách, phát triển loại hình và dịch vụ du lịch, làm chủ cảm xúc của họ với độ tin cậy 99% và 95% (Bảng 6). Những người có nhu cầu tham gia phát triển du lịch sinh thái tự đánh giá các kỹ năng trên cao hơn những người không có nhu cầu tham gia phát triển du lịch sinh thái, 2,35 so với 1,75 điểm, 1,68 so với 1,20 điểm, 2,78 so với 2,05 điểm, 3,18 so với 2,80 điểm, 2,10 so với 1,45 điểm, 3,30 so với 2,80 điểm, lần lượt.

Bảng 6. Mối quan hệ giữa nhu cầu tham gia phát triển du lịch sinh thái với kỹ năng du lịch sinh thái của người dân

		Kiểm định Levene		**Kiểm định t**	
		F	**Sig.**	**T**	**Sig.**
Kinh doanh du lịch sinh thái	Đồng thuận phương sai	25,289	**0,000**	-3,274	0,001
	Không đồng thuận phương sai			-3,856	**0,000**
Ngoại ngữ	Đồng thuận phương sai	16,944	**0,000**	-3,332	0,001
	Không đồng thuận phương sai			-4,133	**0,000**
Hướng dẫn du khách tham quan	Đồng thuận phương sai	20,806	**0,000**	-4,243	0,000
	Không đồng thuận phương sai			-4,974	**0,000**
Giao tiếp, ứng xử với du khách	Đồng thuận phương sai	2,125	**0,148**	-2,864	**0,005**
	Không đồng thuận phương sai			-3,013	0,003
Phát triển loại hình và dịch vụ du lịch	Đồng thuận phương sai	19,322	**0,000**	-3,429	0,001
	Không đồng thuận phương sai			-3,990	**0,000**
Làm chủ cảm xúc	Đồng thuận phương sai	0,145	**0,704**	-4,267	**0,000**
	Không đồng thuận phương sai			-4,258	0,000

Nguồn: Kết quả điều tra của nhóm nghiên cứu, 2021

Kết quả phân tích cho thấy, người dân ở các xã ven biển của huyện An Biên không tự đánh giá cao mình trong việc đáp ứng các kỹ năng trên. Trong 6 kỹ năng được đưa ra, 3 kỹ năng được đánh giá ở mức trung bình (hướng dẫn du khách tham quan, giao tiếp/ứng xử với du khách, làm chủ cảm xúc), 3 kỹ năng được đánh giá ở mức kém là kinh doanh du lịch, ngoại ngữ, phát triển loại hình/dịch vụ du lịch (Bảng 7). Điều này dễ hiểu và đúng với thực tế ở địa phương bởi mở được cơ sở kinh doanh du lịch, sử dụng được tiếng Anh trong giao tiếp với du khách nước ngoài, phát triển được loại hình/dịch vụ du lịch không phải là công việc dễ dàng. Trong khi đó, hướng dẫn du khách tham quan, giao tiếp/ứng xử với du khách, quản lý cảm xúc có phần dễ thực hiện hơn.

Theo Tổng cục Du lịch (2016), chất lượng nguồn nhân lực còn thấp là hạn chế lớn nhất đối với ngành du lịch của Đồng bằng sông Cửu Long (số lao động có trình độ đại học và trên đại học chiếm khoảng 8%, lao động qua đào tạo cao đẳng và trung cấp chiếm gần 14%, lao động qua đào tạo ở các ngành khác chiếm 27%, số lao động chưa qua bất kỳ hình thức đào tạo nào chiếm gần 51%), trong khi đó, người dân địa phương ở các xã ven biển của huyện An Biên chỉ là nguồn nhân lực du lịch tiềm năng, chưa trải qua những khóa đào tào/tập huấn về du lịch/du lịch sinh thái nên thiếu nhiều kỹ năng là điều tất yếu.

Bảng 7. Đánh giá kỹ năng phục vụ/kinh doanh du lịch sinh thái của người dân

Kỹ năng	Mức đánh giá			Đánh giá chung
	Thấp nhất	*Cao nhất*	*Trung bình*	
Kinh doanh du lịch	1	4	2,15	Kém
Ngoại ngữ	1	5	1,52	Kém
Hướng dẫn du khách tham quan	1	4	2,53	Trung bình
Giao tiếp/ứng xử với du khách	1	5	3,05	Trung bình
Phát triển loại hình/dịch vụ du lịch	1	4	1,88	Kém
Làm chủ cảm xúc	2	5	3,13	Trung bình

Nguồn: Kết quả điều tra của nhóm nghiên cứu, 2021

4. Thảo luận và kết luận

Du lịch sinh thái là loại hình du lịch của tương lai do tính ưu việt và đáp ứng được xu thế mới của du khách (du lịch trách nhiệm, du lịch lựa chọn) (Lê Văn Lanh & Bùi Xuân Trường, 2018). Với những ưu thế vốn có, du lịch sinh thái đã trở thành lĩnh vực/nhánh phát triển nhanh nhất trong ngành công nghiệp du lịch thế giới (Horwich et al., 1999; Hui et al., 2020) và được kỳ vọng/hoan nghênh như một cách tiếp cận mới/mô hình phát triển tốt nhất trong việc trao quyền, cung cấp cơ hội phát triển kinh tế - xã hội cho cộng đồng/người dân địa phương, đồng thời bảo tồn thiên nhiên và văn hóa của điểm đến (Giriwati et al., 2019; Hui et al., 2020).

Sự tham gia của cộng đồng/người dân địa phương là cách tiếp cận từ dưới lên, trong đó, cộng đồng/người dân tích cực tham gia vào các dự án để giải quyết các vấn đề của chính họ và điều này đã được nhiều chuyên gia xem là cách tiếp cận hiệu quả để phát triển du lịch sinh thái vì nó đảm bảo bảo tồn tốt hơn các nguồn tài nguyên thiên nhiên và văn hóa, trao quyền cho các cộng đồng chủ nhà và cải thiện phúc lợi kinh tế xã hội của họ (Mensah & Ernest, 2013).

Sự tham gia và hỗ trợ của cộng đồng/người dân địa phương là cần thiết cho phát triển du lịch sinh thái (Vannelli et al., 2019; Hui et al., 2020). Nếu không có sự tham gia và hỗ trợ của cộng đồng/người dân địa phương, sự bền vững của ngành du lịch sinh thái bị đe dọa. Vì lẽ đó, trong du lịch sinh thái phải thu hút sự tham gia của người dân địa phương trong các vai trò khác nhau. Chia sẻ những lợi ích do du lịch sinh thái mang lại là cách đảm bảo an ninh sinh kế cho nhiều người dân và bù đắp những thiệt hại mà người dân phải gánh chịu trong quá trình quy hoạch, triển khai các dự án phát triển du lịch sinh thái (Makindi, 2016). Tuy nhiên, cơ hội tham gia của cộng đồng/người dân địa phương trong du lịch sinh thái ở nhiều nơi còn hạn chế (Anucha, 2004; Mensah & Ernest, 2013; Hui et al., 2020) và tham gia ở mức thụ động (Ngô Thị Liên, 2018; Giriwati et al., 2019). Sự kiểm soát hoạt động du lịch sinh thái của cơ quan nhà nước ở các khu bảo tồn (Anucha, 2004); hệ thống quản lý du lịch của nhà nước chưa hiệu quả (Somarriba-Chang &

Gunnarsdotter, 2012); thu nhập từ hoạt động du lịch thấp, ảnh hưởng tiêu cực của tính thời vụ du lịch, thiếu khung pháp lý về quản lý và chia sẻ lợi ích, thiếu đối thoại và gắn kết các bên liên quan, thiếu thông tin, tư vấn về thị trường, sản phẩm du lịch và các dự án du lịch, xung đột lợi ích và chưa có cơ chế giải quyết xung đột (Nguyễn Bùi Anh Thư và ctv., 2019) tạo ra các rào cản đối với sự tham gia của cộng đồng/người dân địa phương trong phát triển du lịch sinh thái ở một số điểm đến.

Nghiên cứu của Nguyễn Bùi Anh Thư, Trương Thị Thu Hà & Lê Minh Tuấn (2019) cho thấy, các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của người dân địa phương trong phát triển du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng là (i) nhận thức của người dân về tài nguyên và hoạt động du lịch; (ii) cơ chế, chính sách của chính quyền/cơ quan quản lý nhà nước về du lịch; (iii) đặc điểm hộ gia đình; (iv) lợi ích kinh tế. Trong khi đó, độ tuổi (Ngô Thị Liên, 2018; Hui et al., 2020), trao đổi văn hóa, trình độ học vấn, thời gian sống (Ngô Thị Liên, 2018), thu nhập (Hui et al., 2020) của cộng đồng/người dân ảnh hưởng đến sự tham gia của họ trong hoạt động du lịch sinh thái.

Các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu tham gia phát triển du lịch sinh thái của người dân địa phương ở các xã ven biển của huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đó là: trình độ học vấn/chuyên môn, loại nhà ở, sự nghe/biết về du lịch sinh thái, kỹ năng phục vụ/kinh doanh du lịch sinh thái (kinh doanh, ngoại ngữ, hướng dẫn du lịch, giao tiếp/ứng xử, phát triển loại hình/dịch vụ du lịch, làm chủ cảm xúc) của chủ hộ. Hướng nghiên cứu của đề tài này khác với những nghiên cứu trên nên kết quả có nhiều sự khác biệt, qua đó, góp phần bổ sung tri thức trong lĩnh vực nhu cầu tham gia của cộng đồng/người dân địa phương đối với sự phát triển du lịch sinh thái.

Nâng cao trình độ học vấn/chuyên môn, cải thiện kinh tế hộ gia đình, đẩy mạnh thông tin và truyền thông về du lịch sinh thái, phát triển các kỹ năng phục vụ/kinh doanh du lịch cho người dân địa phương là các chiến lược thu hút họ tham gia phát triển du lịch sinh thái ở các xã ven biển của huyện An Biên trong tương lai.

Lời cảm ơn: Bài viết thuộc đề tài NCKH có mã số T2021-45 của Trường Đại học Cần Thơ. Nhóm tác giả trân trọng cảm ơn Trường Đại học Cần Thơ đã tài trợ cho Đề tài.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Abraham, B. G. (2015). *Community participation in ecotourism: An inclusive development option for Kerala* (doctoral dissertation). India: Cochin University of Science and Technology.

Anucha, L. (2004). *Community participation in ecotourism development in Thailand* (doctoral dissertation). Australia: The University of Sydney.

Afua, T. A. (2012). Community participation in ecotourism: Evidence from Tafi Atome, Ghana. *African Journal of Hospitality, Tourism and Leisure*, *2*(2), 1-12.

Aref, F. (2011). Sense of community and participation for tourism development. *Life Science Journal*, *8*(1), 20-25.

Bagul, A., H., B., P. (2009). *Success of ecotourism sites and local community participation in Sabah* (doctoral dissertation). New Zealand: Victoria University of Wellington.

Blamey, R. K. (2001). Principles of ecotourism. In D. B. Weaver (Ed.), *The encylopedia of ecotourism* (pp. 5-22). Wallingford, England: CABI.

Bùi Thị Mùi. (2014). Thực trạng và giải pháp tăng cường năng lực quản lý lãnh đạo của cán bộ nữ các trường công lập tại Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 34, 1-12.

Chi cục Thống kê huyện An Biên. (2020). *Niên giám thống kê năm 2019*. An Biên.

Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện An Biên lần thứ XII. (2020). *Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020-2025*. An Biên.

Fennell, D. A. (2015). *Ecotourism*. Abingdon, England: Routledge.

Giriwati, N. S. S., Hawa, L. C., Pamungkas, S. T., Iyati, W., & Hidayat, A. R. T. (2019). Local community participation in ecotourism development: The case of Sumberwangi Hamlet destination, East Java, Indonesia. *International Journal of Social Sciences*, *5*(1), 81-98.

Horwich, R. H, Murray, D., Saqui, E., Lyon, J., & Godfrey, D. (1999). Du lịch sinh thái và phát triển cộng đồng: Cái nhìn từ Belize. Trong K. Linberg, & D. B. Hawskin, *Du lịch sinh thái: Hướng dẫn cho các nhà lập kế hoạch và quản lý* (tr. 207-230). Hà Nội: Cục Môi trường xuất bản.

Hui, T. S., Lin, E. L. A., & Mamat, P. (2020). Local community participation in ecotourism at National Park in Pahang, Malaysia. *The Malaysian Forester*, *83*(2), 340 - 352.

Leslie, D. (2012). *Responsible tourism: Concepts, theory and practice*. Oxfordshire, England: CABI.

Lê Văn Lanh, & Bùi Xuân Trường. (2018). Du lịch sinh thái tại các vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên Việt Nam: Tiềm năng, thách thức và giải pháp. *Kỷ yếu hội thảo quốc tế "Bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển bền vững khu vực Miền Trung-Tây Nguyên lần thứ I"* (tr. 8-13). Đà Nẵng.

Luật Du lịch (hiện hành). (2018). Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia sự thật.

Makindi, S. M. (2016). Local communities, biodiversity conservation and ecotourism: A case study of the Kimana community wildlife sanctuary, Kenya. *African Journal of Hospitality, Tourism and Leisure*, *5*(3), 1-15.

Mensah, I., & Ernest, A. (2013). Community participation in ecotourism: The case of Bobiri forest reserve and butterfly sanctury in Ashanti region of Ghana. *American Journal of Tourism Management*, *2*(1A), 34-42.

Neth, B. (2008). *Ecotourism as a tool for sustainable rural community development and natural resources management in the Tonle Sap Biosphere Reserve*. Germany: Kassel University Press.